

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

GIÁO TRÌNH

Môn học: Thực hành kế toán hoạt động kinh
doanh xuất nhập khẩu

NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	4
Bài 1: Lập và xử lý chứng từ kế toán.....	5
1. Hướng dẫn ban đầu	5
2. Thực tập kế toán viên	37
Bài 2: Ghi sổ kế toán chi tiết	41
1. Hướng dẫn ban đầu	41
2. Thực tập kế toán viên	48
Bài 3: Ghi sổ kế toán tổng hợp.....	53
1. Hướng dẫn ban đầu.....	53
2. Thực tập kế toán viên	84
Bài 4: Lập báo cáo tài chính.....	86
1. Hướng dẫn ban đầu.....	86
2. Thực tập kế toán viên	117
Bài 5: Ứng dụng kế toán doanh nghiệp trên phần mềm kế toán.....	124
1. Hướng dẫn ban đầu	124
2. Thực tập kế toán viên	143
Tài liệu tham khảo.....	152

Lời nói đầu

Để cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nhiệm vụ và công việc của một nhân viên kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về đọc, phân tích phương pháp lập, ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp trong phần mềm kế toán, cùng với các kiến thức liên quan đến việc lập, kiểm tra Báo cáo tài chính thông qua số liệu thực tế của các doanh nghiệp đang hoạt động. Sinh viên sẽ được thực hành kế toán doanh nghiệp dưới sự chỉ dẫn của giảng viên có trình độ chuyên môn và các kế toán trưởng doanh nghiệp có kinh nghiệm lâu năm để nâng cao kiến thức làm việc trong môi trường thực tế.

Để sinh viên nắm rõ các nhu cầu thực sự muốn làm kế toán và tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp cả về mặt thủ công và kế toán máy.

Để giúp các em học sinh/sinh viên có tài liệu tham khảo, nghiên cứu và thực hành kế toán doanh nghiệp. Chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc quần giáo trình thực hành kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu được ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán.

Nội dung của giáo trình bao gồm 5 bài thực hành

Bài 1: Lập và xử lý chứng từ kế toán

Bài 2: Ghi sổ kế toán chi tiết

Bài 3: Ghi sổ kế toán tổng hợp

Bài 4: Lập báo cáo tài chính

Bài 5: Ứng dụng kế toán doanh nghiệp trên phần mềm kế toán

Trong quá trình biên soạn giáo trình không tránh được những sai sót rất mong được sự góp ý của người đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Bài 1: Lập chứng từ kế toán

1. Hướng dẫn ban đầu

1.1. Chứng từ kế toán nhập khẩu hàng hóa

Để hạch toán hoạt động nhập khẩu hàng hóa, kế toán sử dụng các hóa đơn chứng từ sau:

- Hợp đồng ngoại thương
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Vận đơn đường biển (Bill of lading – B/L) hoặc đường hàng không (Bill of air – B/A)
- Chứng từ bảo hiểm, có thể là đơn bảo hiểm (insurance Policy) hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate)
- Giấy chứng nhận số lượng/ trọng lượng (Certificate of Quantity/Weight)
- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original)
- Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với hàng nông sản, thực phẩm
- Phiếu đóng gói (Packing list)
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: HQ/2012- NK)
- Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: PLTK/2012-NK)
- Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu HQ/2008-TGTT)
- Phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng nhập khẩu (HQ/2008-PLTG)
- Các mẫu khai báo trị giá tính thuế (Mẫu PP2, Mẫu PP3, Mẫu PP4, Mẫu PP5, Mẫu PP6)
- Biên lai nộp thuế và phí các loại
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ....

Hướng dẫn lập một số chứng từ kế toán sau:

1.1.1. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: HQ/2012-NK)

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu được in chữ đen trên 2 mặt khổ giấy A4, nền màu xanh lá cây nhạt, có in chữ “NK” màu hồng, đậm chìm. Các chỉ tiêu trong phần dành cho người khai hải quan kê khai và tính thuế của tờ khai này được ghi như sau:

Chỉ tiêu 1: Người xuất khẩu

Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số (nếu có) của người bán hàng ở nước ngoài bán hàng cho thương nhân Việt Nam (thể hiện trên hợp đồng mua bán hàng hoá).

Chỉ tiêu 2: Người nhập khẩu

Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của thương nhân nhập khẩu.

Chỉ tiêu 3: Người uỷ thác/người được uỷ quyền

Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của thương nhân uỷ thác cho người nhập khẩu hoặc tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của người được uỷ quyền khai hải quan.

Chỉ tiêu 4: Đại lý Hải quan

Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của Đại lý hải quan; số, ngày hợp đồng đại lý hải quan.

Chỉ tiêu 5: Loại hình

Người khai hải quan chọn mã loại hình trong hệ thống phù hợp.

* Trường hợp khai thủ công người khai hải quan ghi rõ loại hình nhập khẩu tương ứng.

Chỉ tiêu 6: Hoá đơn thương mại

Ghi số, ngày, tháng, năm của hoá đơn thương mại.

Chỉ tiêu 7: Giấy phép/ngày/ngày hết hạn

Ghi số, ngày, tháng, năm giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và ngày, tháng, năm hết hạn của giấy phép.

Chỉ tiêu 8: Hợp đồng/ngày/ngày hết hạn

Ghi số ngày, tháng, năm ký hợp đồng và ngày, tháng, năm hết hạn (nếu có) của hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.

Chỉ tiêu 9: Vận đơn

Ghi số, ngày, tháng, năm của vận đơn hoặc chứng từ vận tải có giá trị do người vận tải cấp thay thế vận đơn.

Chỉ tiêu 10: Cảng xếp hàng

Ghi tên cảng, địa điểm (được thoả thuận trong hợp đồng thương mại hoặc ghi trên vận đơn) nơi từ đó hàng hoá được xếp lên phương tiện vận tải để chuyển đến Việt Nam.

Chỉ tiêu 11: Cảng dỡ hàng

Ghi tên cảng/cửa khẩu nơi hàng hóa được dỡ từ phương tiện vận tải xuống (được ghi trên vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác). Trường hợp cảng/cửa khẩu dỡ hàng khác với địa điểm hàng hóa được giao cho người khai hải quan thì ghi cảng dỡ hàng/ địa điểm giao hàng.

Ví dụ: Hàng nhập khẩu được dỡ tại cảng Hải Phòng và giao hàng cho người nhận hàng tại ICD Gia Thụy, người khai ghi Hải Phòng/Gia Thụy

Chỉ tiêu 12: Phương tiện vận tải

Ghi tên tàu biển, số chuyến bay, số chuyến tàu hoả, số hiệu và ngày đến của phương tiện vận tải chở hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam theo các loại hình vận chuyển đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường bộ.

Chỉ tiêu 13: Nước xuất khẩu

Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi mà từ đó hàng hoá được chuyển đến Việt Nam (nơi hàng hoá được xuất bán cuối cùng đến Việt Nam). Áp dụng mã nước cấp ISO 3166. (không ghi tên nước, vùng lãnh thổ mà hàng hoá trung chuyển qua đó).

Chỉ tiêu 14: Điều kiện giao hàng

Ghi rõ điều kiện giao hàng mà hai bên mua và bán thoả thuận trong hợp đồng thương mại.

Chỉ tiêu 15: Phương thức thanh toán:

Ghi rõ phương thức thanh toán đã thoả thuận trong hợp đồng thương mại

Ví dụ: L/C, DA, DP, TTR hoặc hàng đổi hàng ...

Chỉ tiêu 16: Đồng tiền thanh toán

Ghi mã của loại tiền tệ dùng để thanh toán (nguyên tệ) được thoả thuận trong hợp đồng thương mại. Áp dụng mã tiền tệ phù hợp với ISO 4217

Ví dụ: đồng dollar Mỹ là USD

Chỉ tiêu 17: Tỷ giá tính thuế

Ghi tỷ giá giữa đơn vị nguyên tệ với tiền Việt Nam áp dụng để tính thuế (theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan) bằng đồng Việt Nam.

Chỉ tiêu 18: Mô tả hàng hóa

Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hoá theo hợp đồng thương mại hoặc các chứng từ khác liên quan đến lô hàng.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau:

- Trên tờ khai hải quan ghi: “theo phụ lục tờ khai”.

- Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ tên, quy cách phẩm chất từng mặt hàng.

* Đối với lô hàng được áp vào 1 mã số nhưng trong lô hàng có nhiều chi tiết, nhiều mặt hàng Ví dụ: thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ thì doanh nghiệp ghi tên gọi chung của lô hàng trên tờ khai, được phép lập bản kê chi tiết (không phải khai vào phụ lục).

Chỉ tiêu 19: Mã số hàng hoá

Người khai hải quan ghi mã số phân loại theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau:

- Trên tờ khai hải quan: không ghi gì.

- Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ mã số từng mặt hàng.

Chỉ tiêu 20: Xuất xứ

Người khai hải quan ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hoá được chế tạo (sản xuất) ra (căn cứ vào giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng). Áp dụng mã nước quy định trong ISO 3166.

* Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

Chỉ tiêu 21: Chế độ ưu đãi:

Ghi tên mẫu C/O được cấp cho lô hàng thuộc các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên

Chỉ tiêu 22: Lượng hàng:

Người khai hải quan ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 23.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

Chỉ tiêu 23: Đơn vị tính:

Ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng (ví dụ: mét, kg...) theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ Tài chính ban hành.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

Chỉ tiêu 24: Đơn giá nguyên tệ:

Ghi giá của một đơn vị hàng hoá (theo đơn vị ở ô số 23) bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 16, căn cứ vào thoả thuận trong hợp đồng thương mại, hoá đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Hợp đồng thương mại theo phương thức trả tiền chậm và giá mua, giá bán ghi trên hợp đồng gồm cả lãi suất phải trả thì đơn giá được xác định bằng giá mua, giá bán trừ (-) lãi suất phải trả theo hợp đồng thương mại.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 20.

Chỉ tiêu 25: Trị giá nguyên tệ

Người khai hải quan ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng nhập khẩu, là kết quả của phép nhân (x) giữa “Lượng hàng (ô số 22) và “Đơn giá nguyên tệ (ô số 24)”.

* Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

- Trên tờ khai hải quan: ghi tổng trị giá nguyên tệ của các mặt hàng khai báo trên phụ lục tờ khai.
- Trên phụ lục tờ khai: Ghi trị giá nguyên tệ cho từng mặt hàng

Chỉ tiêu 26: Thuế nhập khẩu

a. Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đồng Việt Nam.

b. Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 19 theo Biểu thuế áp dụng (Biểu thuế ưu đãi, Biểu thuế ưu đãi đặc biệt...) có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai

c. Ghi số thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng.

* Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

- Trên tờ khai hải quan ghi tổng số thuế nhập khẩu phải nộp tại ô “tiền thuế” tương ứng.
- Trên phụ lục tờ khai ghi rõ trị giá tính thuế, thuế suất, số thuế nhập khẩu phải nộp cho từng mặt hàng.

Chỉ tiêu 27: Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

- a. Trị giá tính thuế của thuế TTĐB là tổng của trị giá tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng
 - b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế TTĐB tương ứng với mã số hàng hoá được xác định mã số hàng hoá tại ô số 19 theo Biểu thuế TTĐB.
 - c. Tiền thuế: Ghi số thuế TTĐB phải nộp của từng mặt hàng
- * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.

Chỉ tiêu 28: Thuế bảo vệ môi trường (BVMT)

- a. Số lượng chịu thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu là số lượng hàng hóa theo đơn vị quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường.
 - b. Mức thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường.
 - c. Tiền thuế: Ghi số tiền thuế BVMT phải nộp của từng mặt hàng.
- * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.

Chỉ tiêu 29: Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

- a. Trị giá tính thuế của thuế GTGT là giá thuế nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có) cộng với thuế TTĐB (nếu có) cộng thuế BVMT (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.
 - b. Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế GTGT tương ứng với mã số hàng hoá được xác định mã số hàng hoá tại ô số 19 theo Biểu thuế GTGT.
 - c. Tiền thuế: Ghi số tiền thuế GTGT phải nộp của từng mặt hàng
- * Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô 26

Chỉ tiêu 30: Tổng số tiền thuế (ô 26 + 27 + 28 + 29), người khai hải quan ghi: tổng số tiền thuế nhập khẩu, TTĐB, BVMT và GTGT; bằng chữ.

Chỉ tiêu 31: Lượng hàng, số hiệu container:

Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng container ghi như sau:

- Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container;
 - Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container;
 - Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container tương ứng và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng;
- * Trường hợp có từ 4 container trở lên thì người ghi cụ thể thông tin trên phụ lục tờ khai hải quan không ghi trên tờ khai.

Chỉ tiêu 32 : Chứng từ đi kèm

Liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

Chỉ tiêu 33:

Ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.

1.1.2. Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: PLTK/2012-NK)**HẢI QUAN VIỆT NAM****PHỤ LỤC TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU****HQ/2012-PLNK**

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:				Phụ lục số:				Số tờ khai:	
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:				Ngày, giờ đăng ký:				Loại hình:	
SỐ TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ	
1									
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ số lượng chịu thuế			Thuế suất (%)		Tiền thuế		
26. Thuế nhập khẩu									
27. Thuế TTĐB									
28. Thuế BVMT									
29. Thuế GTGT									
Cộng:									
SỐ TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ	
2									
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ số lượng chịu thuế			Thuế suất (%)		Tiền thuế		
26. Thuế nhập khẩu									
27. Thuế TTĐB									
28. Thuế BVMT									
29. Thuế GTGT									
Cộng:									
SỐ TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ	
3									
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ số lượng chịu thuế			Thuế suất (%)		Tiền thuế		
26. Thuế nhập khẩu									
27. Thuế TTĐB									
28. Thuế BVMT									
29. Thuế GTGT									
Cộng:									
31. Lượng hàng, số hiệu container:									
SỐ TT	a. Số hiệu container		b. Số lượng kiện trong container			c. Trọng lượng hàng trong container			
1									
2						Cộng:			

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu được kê khai trong trường hợp khi tờ khai chính không còn chỗ để khai hàng do tên hàng dài quá hoặc do có nhiều mặt hàng trong một tờ khai, Các chỉ tiêu ghi trên phụ lục tờ khai hàng nhập khẩu ghi tương tự như tờ khai hàng hóa nhập khẩu

1.1.3. Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: HQ/2008 - TGTT)

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng xác định trị giá tính thuế theo quy định tại thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá tính thuế hoặc mẫu khai báo trị giá tính thuế (gọi chung là tờ khai trị giá tính thuế).

1.1.3.1. Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu (Ký hiệu: HQ/2008-TGTT) và phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng nhập khẩu (Ký hiệu: HQ/2008-PLTG)

TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

*Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2002-NK số
...../NK/...../.....ngày...../...../200..*

Tờ số...../.....tờ

Số lượng phụ lục tờ khai trị giá:tờ

HQ/2008-TGTT

1. Ngày xuất khẩu: Ngày tháng năm 200.....		
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH		
2. Người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không?	☐	☐
	Có	Không
3. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu không?	☐	☐
	Có	Không
4. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	☐	☐
	Có	Không
Nếu có, có phải là khoản tiền khai báo tại tiêu thức 15 không?	☐	☐
	Có	Không
5. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt hay không?	☐	☐
Nếu Có, nêu rõ mối quan hệ đó	Có	Không
Mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không?	☐	☐
	Có	Không

PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ					
6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu		Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số
I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ	7. Giá mua ghi trên hóa đơn				
	8. Khoản thanh toán gián tiếp				
	9. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc				
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	10. Chi phí hoa hồng bán hàng/ phí môi giới				
	11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa				
	12. Chi phí đóng gói				
	13. Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá.				
	a. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự				
	b. Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao.				
	c. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu chi tiết tương tự				
	d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự.				
	14. Tiền bản quyền, phí giấy phép				
	15. Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa				
	16. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng				
	17. Chi phí bảo hiểm hàng hóa				
III. CÁC KHOẢN	18. Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong				

ĐƯỢC TRỪ	nội địa				
	19. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu				
	20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng				
	21. Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả.				
	22. Khoản giảm giá				
IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	23. Trị giá tính hải quan = 7 - 8 + + 17 - 18 - 19 - - 22				
	24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam				
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ					
6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu		Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số
I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ	7. Giá mua ghi trên hóa đơn				
	8. Khoản thanh toán gián tiếp				
	9. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc				
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	10. Chi phí hoa hồng bán hàng/ phí môi giới				
	11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa				
	12. Chi phí đóng gói				
	13. Các khoản trợ giúp do người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá.				
	a. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự				
	b. Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao.				

	c. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu chi tiết tương tự				
	d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự.				
	14. Tiền bản quyền, phí giấy phép				
	15. Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa				
	16. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng				
	17. Chi phí bảo hiểm hàng hóa				
III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ	18. Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa				
	19. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu				
	20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng				
	21. Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả.				
	22. Khoản giảm giá				
IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	23. Trị giá tính hải quan $= 7 - 8 + \dots + 17 - 18 - 19 - \dots - 22$				
	24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam				
25. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này Ngàytháng.....năm 200....		DÀNH RIÊNG CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN			
		26. Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai		27. Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế	

(Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
--	---------------------	---------------------

Tờ khai trị giá tính thuế được in 2 mặt giấy khổ A4, chữ đen, nền màu vàng có biểu tượng hải quan in chìm. Các chỉ tiêu trong phần khai báo trên tờ khai được in như sau:

PHẦN KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

Tờ số ... /...tờ (Phụ lục số../.tờ: Ghi số thứ tự từng tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá)/ tổng số tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá).

Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 13 mặt hàng và khai báo trên 03 tờ khai trị giá: Tờ số ..1../.3..tờ; Tờ số ..2../.3..tờ; Tờ số ..3../.3..tờ.

Số lượng phụ lục tờ khai trị giá: Ghi số lượng phụ lục tờ khai trị giá đi kèm mỗi tờ khai trị giá.

Tiêu thức 1: Ghi ngày phát hành vận đơn.

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

Tiêu thức 2: Khai báo CÓ nếu người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu.

Khai báo KHÔNG nếu người mua không có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu.

Tiêu thức 3: Khai báo CÓ nếu việc bán hàng hay giá cả hàng hoá có phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế.

Ví dụ: Vở và bút được đóng gói chung để bán lẻ. Người mua và người bán thoả thuận đơn giá cho từng gói hàng để bán lẻ, vì vậy không thể xác định được đơn giá của từng mặt hàng bút, vở.

Khai báo KHÔNG nếu việc bán hàng hay giá cả của hàng hoá không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào.

Tiêu thức 4: Khai báo CÓ nếu sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hoá người mua phải trả thêm khoản tiền từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hoá nhập khẩu mang lại.

Nếu trên đây đã khai báo CÓ thì khai báo tiếp khoản tiền đó có phải là khoản tiền nêu tại tiêu thức 15 hay không:

Khai báo KHÔNG, người khai hải quan sử dụng phương pháp khác để xác định trị giá tính thuế.

Khai báo CÓ, người khai hải quan tiếp tục khai báo trên tờ khai này.

Tiêu thức 5: Khai báo CÓ nếu mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.

Khai báo mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch hay không.

Khai báo KHÔNG nếu mối quan hệ giữa người mua và người bán không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.

Trường hợp mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến giá cả, người khai hải quan sử dụng phương pháp tiếp theo để xác định trị giá tính thuế.

PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

Tiêu thức 6: Không khai báo chi tiết tên hàng mà chỉ ghi số thứ tự của từng mặt hàng theo số thứ tự đã khai báo tại tiêu thức 17 tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK) hoặc phụ lục tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

I. TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

Tiêu thức 7: Khai báo đơn giá nguyên tệ.

Ví dụ 1: Hoá đơn thương mại thể hiện:

- Giá hoá đơn: 1000 USD/bộ CIF Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7.
- Phí giấy phép: 20 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 14.

Ví dụ 2: Hoá đơn thương mại thể hiện

- Giá hoá đơn: 1000 USD/ bộ FOB Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7
- Chi phí vận chuyển (F) 100 USD/ bộ, khai báo tại tiêu thức 16.
- Chi phí bảo hiểm (I) 7 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 17.

* Trong ví dụ 1 giá ghi trên hoá đơn thương mại bao gồm cả phí vận chuyển, phí bảo hiểm thì không cần tách riêng các chi phí này ra để khai báo vào các tiêu thức 16 và tiêu thức 17.

Tiêu thức 8: Khai báo các khoản thanh toán gián tiếp quy định tại điểm c khoản 2 Mục I Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu như chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn thương mại (tiêu thức 7).

Trường hợp việc mua bán hàng hoá hay giá cả của hàng hoá phụ thuộc vào một hay một số điều kiện đã khai báo tại tiêu thức 3, nhưng người mua có tài liệu khách quan, hợp lệ để xác định mức ảnh hưởng bằng tiền của sự phụ thuộc đó, thì người khai hải quan khai báo khoản tiền được giảm do sự ảnh hưởng đó tại tiêu thức này.

Ví dụ: Người xuất khẩu thoả thuận bán cho người nhập khẩu hàng hoá A với mức giá giảm 1.000 USD/tổng trị giá lô hàng nếu người nhập khẩu chấp nhận mua kèm hàng hoá B, 1000 USD sẽ phải khai báo tại tiêu thức 8 tương ứng với hàng hoá A, sau khi đã phân bổ đều cho lượng hàng hoá nhập khẩu A.

Tiêu thức 9: Khai báo các khoản trả trước, ứng trước, đặt cọc liên quan đến việc mua hàng hoá nhập khẩu, nếu chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn thương mại (tiêu thức 7).

II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG

Tiêu thức 10 đến tiêu thức 17: Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai.

Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh cộng do người mua phải trả, liên quan đến hàng hoá nhập khẩu và chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn (tiêu thức 7).

Tiêu thức 14: Trường hợp tại thời điểm kê khai hải quan không xác định được tiền bản quyền, phí giấy phép để kê khai thì ghi vào ô tương ứng "*Khai báo sau*".

III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ

Tiêu thức 18 đến tiêu thức 22: Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 3 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai.

Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh trừ nếu chúng đã bao gồm trong trị giá giao dịch (tiêu thức 7, tiêu thức 8, tiêu thức 9).

Tiêu thức 22: Khoản giảm giá được phép khấu trừ phải được thực hiện trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển ở nước xuất khẩu hàng hoá và được lập thành văn bản nộp cùng với tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu.

Người khai hải quan có trách nhiệm khai báo khoản giảm giá trên tờ khai trị giá

Tiêu thức 23: Được xác định bằng tổng các tiêu thức từ 7 đến 17 và trừ đi các tiêu thức từ 18 đến 22.

Tiêu thức 24: Trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hoá bằng đơn vị tiền Việt Nam được xác định bằng phép nhân giữa tiêu thức 23 trên tờ khai trị giá và tỷ giá tính thuế tại tiêu thức 15 tờ khai HQ/2012-NK

Tiêu thức 25: Người khai hải quan ghi rõ ngày, tháng, năm khai báo; ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị.

TaiLieu.vn

PHỤ LỤC TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Phụ lục số:/.....tờ

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2012-NK số...../NK/...../.....

Ngày đăng ký:.....

HQ/2008-PLTG

STT	Mặt hàng	Trị giá giao dịch			Các khoản phải cộng								Các khoản được trừ					TGTT nguyên tệ	TGTT bằng Đồng Việt Nam
	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá này.

Người khai ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên chức danh

TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

- (7) Giá mua ghi trên hóa đơn
- (8) Khoản thanh toán gián tiếp
- (9) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc

CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG

- (10) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới
- (11) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa
- (12) Chi phí đóng gói
- (13) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá
- (14) Tiền bản quyền, phí giấy phép
- (15) Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa
- (16) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng
- (17) Chi phí bảo hiểm hàng hóa

CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ

- (18) Chi phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa
- (19) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu
- (20) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng
- (21) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả
- (22) Khoản giảm giá

* Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục II Hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định này để kê khai

1.1.3.2. Các mẫu khai báo trị giá tính thuế

a. Khai báo trên mẫu PP2 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt), mẫu PP3 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự):

- Tờ số.../...tờ: Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.
- Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.
- Tên hàng hoá nhập khẩu giống hệt/Tên hàng hoá nhập khẩu tương tự: người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hoá của hàng hoá nhập khẩu giống hệt/hàng hoá nhập khẩu tương tự.
- Ngày xuất khẩu: Ghi ngày phát hành vận đơn của lô hàng đó.
- Xác định trị giá tính thuế và giải trình: Người khai hải quan căn cứ mục II, mục III Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo và xác định trị giá tính thuế nguyên tệ của mặt hàng đang cần xác định trị giá.
- Các khoản điều chỉnh:

Trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu giống hệt/hàng hoá nhập khẩu tương tự không có cùng điều kiện mua bán với lô hàng đang xác định trị giá tính thuế thì người khai hải quan phải xác định từng khoản điều chỉnh tương ứng, nếu là điều chỉnh tăng thì đánh dấu cộng (+), nếu là điều chỉnh giảm thì đánh dấu trừ (-) trước khoản điều chỉnh đó và ghi vào cột “nguyên tệ”.

- Giải trình các khoản điều chỉnh: Người khai hải quan giải trình cụ thể cách xác định từng khoản điều chỉnh.

- Chứng từ kèm theo:

+ Liệt kê các chứng từ quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Ghi các số liệu, chứng từ đã sử dụng để xác định các khoản điều chỉnh.

- Phần cam đoan của người khai hải quan: Người khai hải quan ghi ngày, tháng, năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b. Khai báo trên mẫu PP4 (phương pháp trị giá khấu trừ)

- Tờ số.../...tờ: Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/ tổng số tờ khai trị giá.
- Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.
- Tên hàng hoá nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ: người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hoá.
- Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

+ Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam: Trường hợp đơn giá bán được lựa chọn để khấu trừ được tính trên đơn vị hàng hoá khác với đơn vị hàng hoá của lô hàng nhập khẩu đang xác định trị giá tính thuế thì phải điều chỉnh đơn giá phù hợp với đơn vị hàng hoá của lô hàng đang xác định trị giá tính thuế trước khi tiến hành khấu trừ.

+ Các khoản được khấu trừ tính trên một đơn vị hàng hoá: Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 3 Mục IV Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

Riêng đối với “Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung” người khai hải quan phải tính toán tỷ lệ phần trăm so với đơn giá bán và khai báo vào cột “tỷ lệ phần trăm so với giá bán”.

- Giải trình các khoản được khấu trừ: Người khai hải quan ghi rõ:

+ Căn cứ tính toán (nguồn số liệu,...).

+ Phương pháp tính toán số học.

- Chứng từ kèm theo:

Người khai hải quan kê khai tên các loại chứng từ đã sử dụng để xác định trị giá tính thuế và được nộp cùng tờ khai trị giá tính thuế.

- Phần cam đoan của người khai hải quan: Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

c. Khai báo trên mẫu PP5 (phương pháp trị giá tính toán)

- Tờ số.../...tờ: Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/ tổng số tờ khai trị giá.

- Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất: Người khai hải quan khai báo rõ tên, địa chỉ của người sản xuất hay đại diện của người sản xuất, đã cung cấp thông tin để xác định trị giá tính toán

- Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

Người khai hải quan căn cứ các quy định tại Mục V Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

- Phương pháp kế toán đã áp dụng và chứng từ đã sử dụng: Người khai hải quan khai báo rõ phương pháp kế toán, chứng từ, tài liệu đã sử dụng để xác định trị giá tính toán.

- Phần cam đoan của người khai hải quan: Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

d. Khai báo trên mẫu PP6 (phương pháp suy luận)

- Tờ số.../...tờ: Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/ tổng số tờ khai trị giá.

- Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá tính thuế: Khai báo chi tiết nguồn thông tin được khai thác để xác định trị giá tính thuế (số ngày đăng ký tờ khai hàng hoá nhập khẩu giống hệt/tương tự; số, ngày hoá đơn bán lại hàng hoá nhập khẩu trên thị trường Việt Nam; thông tin thu được từ người sản xuất;...).

- Xác định trị giá tính thuế: Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục VI Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo cách xác định trị giá tính thuế.

- Giải trình: Người khai hải quan giải trình cụ thể về cách thức xác định trị giá tính thuế.

\